TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 42/2018/DS-ST
Ngày: 31-10-2018
V/v "T/c hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Nhung
2. Bà Phạm Thị Hiền

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Huỳnh Thanh Trà - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 51/2018/TLST- DS ngày 28/5/2018 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2018/QĐXXST-DS ngày 01/10/2018' Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2018/QĐCT-DS ngày16/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ: Tầng X Tòa nhà Y Phan Xích Long, phường Y, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đỗ Thành T – Phó Giám đốc Khối Pháp chế và kiểm soát tuân thủ VPB hội sở – Theo văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018.

Ủy quyền lại cho: Bà Nguyễn Thị Diễm T – Chuyên viên xử lý nợ – Theo văn bản ủy quyền số 24065/2018/VPB AMC PN ngày 25/9/2018 (có mặt).

Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1983; bà Nguyễn Thùy T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khu phố S, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/8/2016 ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thùy T1 ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng TMCP V– Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh – PGD Nơ Trang Long với số tiền là 383.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số: 8933189/NTO/HĐTD; giải ngân theo khế ước nhận nợ lần 01 ngày 01/9/2016; thời hạn vay là 84 tháng; mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô Hyundai

grand I10 Sedan 1,2L, hộp số 4AT mới 100% sản xuất năm 2016; lãi suất 8,49%/năm cố định trong 06 tháng kể từ ngày giải ngân và điều chỉnh lãi suất định kỳ 03 tháng/lần. Thực hiện hợp đồng ngày 01/9/2016 Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền vay cho bên vay. Phương thức trả nợ: Trả nợ gốc và lãi 01 tháng/kỳ/84 kỳ. Khi đến hạn trả các khoản nợ gốc và lãi, ông T bà T1 không thanh toán đúng thỏa thuận cho Ngân hàng V. Dư nợ tính đến 15/3/2018 là: nợ gốc 351.080.000 đồng, nợ lãi 45.603.488 đồng, tổng cộng 396.683.488 đồng.

Về tài sản đảm bảo: Tài sản đảm bảo cho các khoản vay vốn nêu trên là xe ô tô Hyundai grand I10 Sedan 1,2L, hộp số 4AT mới 100% sản xuất năm 2016. Số khung MALA841CBHM187033, số máy G4LAGM063192, BKS 72A-181.66 đứng tên ông Phạm Văn T theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016918 do phòng CSGT Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 01/9/2016; Hợp đồng thế chấp số: 8933189/NTO/HĐTCSP ngày 30/8/2016; Chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm số 1223204937 ngày 01/9/2016.

Tại bản tự khai tính lãi bổ sung và tại phiên tòa Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thùy T1 thanh toán số tiền nợ gốc là 351.080.000 đồng, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn cộng dồn tính đến ngày 31/10/2018 là 110.946.492 đồng, tổng cộng 462.026.492 đồng và thanh toán khoản lãi phát sinh tiếp theo theo lãi suất quy định tại hợp đồng kể từ ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp bị đơn không thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng được thì Ngân hàng có quyền yêu cầu kê kiên tài sản thế chấp bán đấu giá để thu hồi nợ.

Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa: Bị đơn ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thùy T1 được Tòa án Tống đạt các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gửi cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ:

Vụ án không thuộc những trường hợp được quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự nên Đại diện Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Hợp đồng tín dụng số: 8933189/NTO/HĐTD ngày 30/8/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V– Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh – PGD Nơ Trang Long với ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thùy T1 với mục đích vay tiêu dùng cá nhân, một trong hai bên không có mục đích lợi nhuận, nay có phát sinh tranh chấp nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật là quan hệ pháp luật dân sự về "tranh chấp hợp đồng tín dụng". Bị đơn có địa chỉ tại huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ) nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung khởi kiện:

[2.1] Do ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thùy T1 không thanh toán số tiền nợ gốc là 351.080.000 đồng, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn cộng dồn tính đến ngày 31/10/2018 là 110.946.492 đồng, tổng cộng 462.026.492 đồng cho Ngân hàng TMCP V theo như hợp đồng đã ký kết. Nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà T1 phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ nêu trên.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Ngày 30/8/2016 Ngân hàng TMCP V và ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thùy T1 có ký kết hợp đồng tín dụng số: 8933189/NTO/HĐTD với nội dung Ngân hàng cho ông T bà T1 vay số tiền 383.000.000 đồng, giải ngân một lần với lãi suất được quy định trong khế ước nhận nợ được ký kết giữa các bên, cụ thể lãi suất trong hạn là 8,49%/năm cố định trong 06 tháng tính từ thời điểm giải ngân, sau đó điều chỉnh lãi suất tiếp theo bằng lãi suất tiết kiệm 24 tháng bậc cao nhất của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn; thời hạn vay là 84 tháng. Theo thỏa thuận, ông T bà T1 có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi 01 tháng/lần vào ngày 01 hàng tháng với số tiền trả nợ gốc mỗi kỳ là 4.560.000 đồng. Thực hiện hợp đồng, ông T bà T1 đã nhận đủ số tiền vay theo ủy nhiệm chi ngày 01/9/2016 và đã tiến hành thanh toán cho Ngân hàng tiền nợ gốc là 31.920.000 đồng đến ngày 30/6/2017 và thanh toán tiền lãi đến ngày 04/3/2017. Thời gian tiếp theo ông T bà T1 không tiếp tục thanh toán cho ngân hàng theo thỏa thuận là vi phạm Điều 4 của hợp đồng tín dụng đã ký kết nên cần buộc ông T bà T1 có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

[2.3] Về yêu cầu tính lãi suất thì thấy: Tại phiên tòa hôm nay đại diện Ngân hàng xác định ông T bà T1 còn nợ tiền gốc là 351.080.000 đồng. Đối với tiền lãi suất trong hạn được tính theo lãi suất 12%/năm, lãi suất quá hạn là 150% của lãi trong hạn. Thời gian tính lãi tính từ ngày 04/3/2017 đến ngày 31/10/2018 gồm 72.616.968 đồng lãi trong hạn và 38.329.524 đồng lãi quá hạn là phù hợp nên được chấp nhận.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc ông T bà T1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc là 351.080.000 đồng và tiền lãi là 110.946.492 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 22.481.000 đồng, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 471, Điều 474, Điều 342, Điều 348, Điều 351 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* đối với ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thùy T1.

Buộc ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thùy T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tính đến ngày 31/10/2018 là 462.026.492đ *(Bốn trăm sáu mươi hai triệu không trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm chín hai đồng)*; trong đó tiền nợ gốc 351.080.000 đồng, tiền nợ lãi 110.946.492 đồng.

Trường hợp ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thùy T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, loại xe I10, số khung MALA841CBHM187033, số máy G4LAGM063192, biển kiểm soát 72A-181.66 đứng tên ông Phạm Văn T theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016918 do Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 01/9/2016. (Ngân hàng giữ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô bản chính) để thu hồi công nợ.

Kể từ ngày 01/11/2018 ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thùy T1 phải chịu lãi phát sinh tiếp theo trên dư nợ gốc theo mức lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thùy T1 phải chịu 22.481.000đ (*Hai mươi hai triệu bốn trăm tám mươi mốt nghìn đồng*).

Hoàn trả lại 9.915.000đ (*Chín triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP V theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002652 ngày 24/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Hoàng Anh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Kim Nhung – Phạm Thị Hiền **Lê Hoàng Anh**

Điều 91. Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng

1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

3. Trong trường hợp hoạt động ngân hàng có diễn biến bất thường, để bảo đảm an toàn của hệ thống tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước có quyền quy định cơ chế xác định phí, lãi suất trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.

Điều 92. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu của tổ chức tín dụng

1. Tổ chức tín dụng được phát hành chứng chỉ tiền gửi, tín phiếu, kỳ phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật này và quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2. Căn cứ Luật này và Luật chứng khoán, Chính phủ quy định việc phát hành trái phiếu, trừ trái phiếu chuyển đổi để huy động vốn của tổ chức tín dụng.

Điều 93. Quy định nội bộ

1. Căn cứ vào quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan, tổ chức tín dụng phải xây dựng và ban hành các quy định nội bộ đối với các hoạt động nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, bảo đảm có cơ chế kiểm soát, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro gắn với từng quy trình nghiệp vụ kinh doanh, phương án xử lý các trường hợp khẩn cấp.

2. Tổ chức tín dụng phải ban hành các quy định nội bộ sau đây:

a) Quy định về cấp tín dụng, quản lý tiền vay để bảo đảm việc sử dụng vốn vay đúng mục đích;

b) Quy định về phân loại tài sản có, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro;

c) Quy định về đánh giá chất lượng tài sản có và tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu;

d) Quy định về quản lý thanh khoản, trong đó có các thủ tục và các giới hạn quản lý thanh khoản;

đ) Quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ và cơ chế kiểm toán nội bộ phù hợp với tính chất và quy mô hoạt động của tổ chức tín dụng;

e) Quy định về hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ;

g) Quy định về quản trị rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng;

h) Quy định về quy trình, thủ tục, bao gồm cả nguyên tắc nhận biết khách hàng để bảo đảm ngăn ngừa việc tổ chức tín dụng bị lạm dụng cho các mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố và tội phạm khác;

i) Quy định về phương án xử lý các trường hợp khẩn cấp.

3. Tổ chức tín dụng phải gửi cho Ngân hàng Nhà nước các quy định nội bộ tại khoản 2 Điều này ngay sau khi ban hành.

Điều 94. Xét duyệt cấp tín dụng, kiểm tra sử dụng tiền vay

1. Tổ chức tín dụng phải yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh phương án sử dụng vốn khả thi, khả năng tài chính của mình, mục đích sử dụng vốn hợp pháp, biện pháp bảo đảm tiền vay trước khi quyết định cấp tín dụng.

2. Tổ chức tín dụng phải tổ chức xét duyệt cấp tín dụng theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định cấp tín dụng.

3. Tổ chức tín dụng có quyền, nghĩa vụ kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng.

4. Tổ chức tín dụng có quyền yêu cầu khách hàng vay báo cáo việc sử dụng vốn vay và chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích vay vốn.

Điều 95. Chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ, miễn, giảm lãi suất

1. Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng.

2. Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua bán nợ của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

3. Trong trường hợp khách hàng vay hoặc người bảo đảm không trả được nợ do bị phá sản, việc thu hồi nợ của tổ chức tín dụng được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

4. Tổ chức tín dụng có quyền quyết định miễn, giảm lãi suất, phí cho khách hàng theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng.

Điều 96. Lưu giữ hồ sơ tín dụng

1. Tổ chức tín dụng phải lưu giữ hồ sơ tín dụng, bao gồm:

a) Hợp đồng cấp tín dụng và tài liệu ghi rõ mục đích sử dụng vốn; hồ sơ về biện pháp bảo đảm;

b) Báo cáo thực trạng tài chính của khách hàng;

c) Quyết định cấp tín dụng có chữ ký của người có thẩm quyền; trường hợp quyết định tập thể, phải có biên bản ghi rõ quyết định được thông qua;

d) Những tài liệu phát sinh trong quá trình sử dụng khoản vay liên quan đến hợp đồng cấp tín dụng.

2. Thời hạn lưu trữ hồ sơ tín dụng thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 97. Hoạt động ngân hàng điện tử

Tổ chức tín dụng được thực hiện các hoạt động kinh doanh qua việc sử dụng các phương tiện điện tử theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước về quản lý rủi ro và quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Mục 2

HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Điều 98. Hoạt động ngân hàng của ngân hàng thương mại

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.

2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài.

3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:

a) Cho vay;

b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;

c) Bảo lãnh ngân hàng;

d) Phát hành thẻ tín dụng;

đ) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế đối với các ngân hàng được phép thực hiện thanh toán quốc tế;

e) Các hình thức cấp tín dụng khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.

5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.

6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán sau đây:

a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;

b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế và các dịch vụ thanh toán khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.